

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/8/2022 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/5/2023)			Lũy kế bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí đến hết Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch vốn 2024			Chủ đầu tư
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	
	TỔNG SỐ	188.754	167.907	20.847	86.869	78.972	7.897	51.304	46.640	4.664	
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	47.798	43.453	4.345	22.771	20.701	2.070	13.993	12.721	1.272	
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Tri Tôn	29.637	26.942	2.695	15.110	13.737	1.373	7.052	6.411	641	UBND huyện Tri Tôn
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn thị xã Tịnh Biên	12.427	11.297	1.130	5.929	5.390	539	2.937	2.670	267	UBND TX Tịnh Biên
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện An Phú	2.389	2.172	217	565	513	52	1825	1659	166	UBND huyện An Phú
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Thoại Sơn	1.912	1.739	173	922	838	84	991	901	90	UBND huyện Thoại Sơn
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn thị xã Tân Châu	1.433	1.303	130	245	223	22	1188	1080	108	UBND TX Tân Châu
2	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	102.126	92.842	9.284	50.332	45.756	4.576	24.708	22.462	2.246	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	102.126	92.842	9.284	50.332	45.756	4.576	24.708	22.462	2.246	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Tri Tôn	62.457	56.779	5.678	25.014	22.740	2.274	17.417	15.834	1.583	UBND huyện Tri Tôn
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thị xã Tịnh Biên	35.869	32.609	3.260	21.518	19.562	1.956	7.291	6.628	663	UBND TX Tịnh Biên
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện An Phú	2.533	2.302	231	2.533	2.302	231				UBND huyện An Phú

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/8/2022 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/5/2023)			Lũy kế bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí đến hết Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch vốn 2024			Chủ đầu tư
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Thoại Sơn	1.267	1.152	115	1267	1152	115				UBND huyện Thoại Sơn
3	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	25.793	19.761	6.032	8.887	8.079	808	6.739	6.126	613	
	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	25.793	19.761	6.032	8.887	8.079	808	6.739	6.126	613	
	Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông An Giang	11.129	9.544	1.585	4.273	3.884	389	3.265	2.968	297	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường phổ thông Dân tộc Nội trú trung học cơ sở Tịnh Biên	7.709	5.316	2.393	2.441	2.220	221	1.786	1.624	162	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Trung học cơ sở Tri Tôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn	6.955	4.901	2.054	2.173	1.975	198	1.688	1.534	153	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.170	7.427	743	3.348	3.044	304	2.529	2.299	230	
	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.170	7.427	743	3.348	3.044	304	2.529	2.299	230	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	4.867	4.424	443	1.531	1.392	139	3.335	3.032	303	
	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.867	4.424	443	1.531	1.392	139	3.335	3.032	303	
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;	4.372	3.974	398	1.531	1.392	139	2.840	2.582	258	Sở Thông tin và Truyền thông
	Thiết lập phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc	495	450	45				495	450	45	Ban Dân tộc tỉnh

